TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **37/**2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22-3-2022
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lý Thị Nhân.
2. Bà Lý Thúy Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Thúy Tình - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2022, tại Phòng xét xử của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 308/2021/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 11 năm 2021, về *Tranh chấp hôn nhân và gia đình* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **NHỮ MINH H**, sinh năm 1994;

Nơi đăng ký HKTT: Số nhà 101, đường Nguyễn Trãi, tổ dân phố 08, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi ở: Số nhà 11, đường Nguyễn Trãi, tổ dân phố 04, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Có mặt.

2. Bị đơn: Chị **NGUYỄN THỊ THU T**, sinh năm 1994;

Nơi đăng ký HKTT: Số nhà 101, đường Nguyễn Trãi, tổ dân phố 08, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi ở: Số nhà 05, ngách 40, ngõ 165 Dương Quảng Hàm, phường Q, quận C, thành phố Hà Nội - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện; Bản tự khai; Biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn anh NHỮ MINH H trình bày: Tôi và chị NGUYỄN THỊ THU T được tự do tìm hiểu, tự nguyên đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, vào ngày 21/8/2015, hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục cho vợ chồng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và cả hai vợ chồng đều làm công việc kinh

doanh ngoài, việc làm và thu nhập ổn định có lúc không ổn định. Đến năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có sự hoà hợp và không tìm được tiếng nói chung. Đến cuối 2021, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài không thể cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, nên tôi có đơn khởi kiện xin ly hôn với chị T gửi Tòa án nhân dân thành phố T giải quyết theo quy định của pháp luật.

Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra căng thẳng kéo dài, thực tế vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 đến nay, nên tôi yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết cho tôi được ly hôn với chị NGUYỄN THỊ THU T theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Tôi và chị NGUYỄN THỊ THU T có 01 người con chung là cháu Nhữ Bảo T, sinh ngày 09 tháng 7 năm 2015. Khi ly hôn tôi xin nhận được trực tiếp trông nom, chăm sóc và giáo dục cháu T; tôi không yêu cầu chị T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng tôi sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung: Tôi và chị NGUYỄN THỊ THU T không có, nên không yêu cầu xem xét, giải quyết khi ly hôn.

- Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung: Tôi và chị NGUYỄN THỊ THU T không có, nên không yêu cầu giải quyết khi ly hôn.

Bị đơn chị NGUYỄN THỊ THU T trình bày tại Bản tự khai, Biên bản hòa giải và tại phiên tòa: Về tình cảm vợ chồng, thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn và quá trình chung sống của vợ chồng như anh NHỮ MINH H trình bày như trên là đúng sự thật. Từ năm 2018 do vợ chồng mỗi người ở một nơi nên tình cảm có phai nhạt, ít khi gần gũi nhau và cho đến năm 2021 thì vợ chồng chính thức sống ly thân. Tôi xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra căng thẳng, thực tế vợ chồng sống ly thân đã lâu ngày, hai bên không thể cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình được, nên tôi nhất trí thuận tình ly hôn với anh H đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Tôi và anh NHỮ MINH H có 01 người con chung là cháu Nhữ Bảo T, sinh ngày 09 tháng 7 năm 2015. Nếu ly hôn tôi xin nhận được trực tiếp trông nom, chăm sóc và giao dục cháu T; tôi không yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng tôi sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung: Tôi và anh NHỮ MINH H không có, nên không yêu cầu xem xét, giải quyết khi ly hôn.

- Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung: Tôi và anh NHỮ MINH H không có, nên không yêu cầu giải quyết khi ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, về chứng cứ anh H cung cấp cho Tòa án:

- 02 (Hai) Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính) số 47/2015; Quyển số 01/2015 ngày 21/8/2015 của UBND phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, mang tên chồng NHỮ MINH H, mang tên vợ NGUYỄN THỊ THU T;

- 01 (Một) bản sao có chứng thực Căn cước công dân mang tên NHỮ MINH H;

- 01 (Một) bản phô tô Hợp đồng lao động số 01/2021/HĐLĐ-QT, giữa bên sử dụng lao động là Công ty TNHH một thành viên Quang Tám, với bên người lao động mang tên NHỮ MINH H; Loại hợp đồng lao động có thời hạn 36 tháng, bắt đầu từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/12/2023; Mức lương chính hoặc tiền công 7.000.000/tháng; Phụ cấp ăn ca 700.000 đồng/tháng; Xăng xe 1.000.000 đồng; Điện thoại 300.000 đồng/tháng.

- 01 (Một) Đơn xác nhận NHỮ MINH H có phụ giúp kinh doanh với bố mẹ là ông Nhữ Văn Vụ, bà Nguyễn Hải Yến với mức lương 8.000.000 đồng/tháng.

- 01 (Một) Đơn có xác nhận của Trường mầm non Ban Mai Xanh, thành phố T, ngày 08/12/2021 xác nhận từ năm 2017 đến năm 2021 cháu Nhữ Bảo T theo học tại Trường, toàn bộ học phí và tiền ăn đều do bố NHỮ MINH H và ông bà nội đóng góp.

- 01 (Một) Đơn xin chuyển trường đứng tên NHỮ MINH H, xin chuyển đến Trường tiểu học Phan Thiết, thành phố T cho con là Nhữ Bảo T, đơn đề ngày 17/01/2022, có xác nhận đồng ý tiếp nhận của Trường tiểu học Phan Thiết, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- 01 (Một) bản sao có chứng thực Sổ hộ khẩu tên chủ hộ NHỮ MINH H;

- 01 (Một) bản sao có chứng thực Giấy khai sinh đứng tên Nhữ Bảo T, sinh ngày 09 tháng 7 năm 2015.

Chị T cung cấp cho Tòa án:

- 01 (Một) bản Hợp đồng thử việc số 8181/2020/HĐTVCN-PKTC, ngày 06/10/2020, giữa người sử dụng lao động là Phòng khám Đa khoa Quốc tế Thu Cúc - Chi nhánh Công ty cổ phần Y khoa và thẩm mỹ Thu Cúc - Địa chỉ: Số 216 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận C, thành phố Hà Nội, với bên người lao động đứng tên NGUYỄN THỊ THU T; Loại hợp đồng thử việc; Thời hạn hợp đồng 02 tháng, bắt đầu từ ngày 06/10/2020 đến ngày 05/12/2020; Lương cơ bản 4.800.000/tháng; Phụ cấp trách nhiệm 1.700.000 đồng/tháng.

- 01 (Một) bản Hợp đồng lao động số 8181/2021/HĐLĐ-YKTC, ngày 10/11/2021, giữa người sử dụng lao động là Công ty cổ phần Y khoa và thẩm mỹ Thu Cúc - Địa chỉ: Số 286, 288, 290, 292, 294 Thụy Khuê, phường Bưởi, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, với người lao động đứng tên NGUYỄN THỊ THU T; Loại hợp đồng xác định thời hạn 12 tháng, từ ngày 10/11/2021 đến ngày 09/11/2022; Lương cơ bản 7.0000.000 đồng/tháng; Phụ cấp ăn ca 730.000 đồng/tháng.

- 01 (Một) Hợp đồng thuê phòng trọ tại số nhà 05, ngách 40, ngõ 165, phố Dương Quảng Hàm, tổ 23, phường Q, quận C, thành phố Hà Nội; đứng tên bên cho thuê phòng trọ Lê Minh Quang; đứng tên bên thuê phòng trọ NGUYỄN THỊ THU T.

- 01 (Một) Giấy xác nhận của Trường mầm non Ngôi Sao Sáng thành phố Hà Nội, ngày 17/01/2022, xác nhận cháu Nhữ Bảo T cần trực tiếp can thiệp tại Trường.

- 01 (Một) Giấy xác nhận của Trường tiểu học Hà Nội, đề ngày 21/01/2022, xác nhận học sinh Nhữ Bảo T đang học Lớp 1A2.

- 01 (Một) tập các loại giấy tờ liên quan đến theo dõi sức khỏe của Nhữ Bảo T; khám sức khỏe của NHỮ MINH H.

Tòa án nhân dân thành phố T xác minh tại địa phương nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh NHỮ MINH H và chị NGUYỄN THỊ THU T được biết: Anh H và chị T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn; có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố 08, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng anh H chị T sinh sống tại địa phương; anh H làm nghề lái xe ô tô và và làm ăn kinh tế cùng bố mẹ là ông Nhữ Văn Vụ và bà Nguyễn Hải Yến, còn chị T chưa có việc làm và học ngành Y tại thành phố Hà Nội. Về con chung có 01 cháu là Nhữ Bảo T chủ yếu do anh H và bà nội chăm sóc ở địa phương. Về tài sản chung, vay nợ chung địa phương không thấy có.

Tòa án xác minh tại Trường tiểu học Phan Thiết, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, được biết: Học sinh Nhữ Bảo T, sinh ngày 09 tháng 7 năm 2015, là con anh NHỮ MINH H và chị NGUYỄN THỊ THU T. Học sinh Nhữ Bảo T được chuyển từ một Trường tiểu

học ở thành phố Hà Nội về học tập tại Lớp 1A5, Trường tiểu học Phan Thiết, thành phố T từ tháng 01 năm 2022.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, đã nhiều lần hòa giải cho các đương sự nhưng không thành.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, thụ lý và giải quyết vụ án sơ thẩm về việc *Tranh chấp hôn nhân và gia đình* là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Tòa án xác định tư cách đương sự và tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng trình tự của pháp luật quy định. Các phần tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tiến hành theo đúng trình tự, đúng pháp luật tố tụng quy định; ý thức chấp hành pháp luật của các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào Điều 55; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 235; 266; 267; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Toà án.

* Tuyên:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh NHỮ MINH H và chị NGUYỄN THỊ THU T.

- Về con chung: Xử giao cháu Nhữ Bảo T, sinh ngày 09/7/2015 cho anh NHỮ MINH H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung các đương sự đều xác định không có, nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung các đương sự đều xác định không có, nên không xem xét giải quyết.

- Anh H phải chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh NHỮ MINH H và chị NGUYỄN THỊ THU T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại tại Uỷ ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên

Quang, vào ngày 21 tháng 8 năm 2015, hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Về tình cảm vợ chồng thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ngày càng mâu thuẫn căng thẳng không thể cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, đến năm 2021 vợ chồng sống ly thân, nên anh H có đơn xin ly hôn với chị T gửi Toà án giải quyết. Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy anh H và chị T có mâu thuẫn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thực tế vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Tại phiên tòa anh H và chị T cùng nhau thỏa thuận nhất trí thuận tình ly hôn. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh H và chị T theo quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh H và chị T có 01 người con chung là cháu Nhữ Bảo T, sinh ngày 09/7/2015. Xét thấy cháu Nhữ Bảo T tính đến ngày xét xử sơ thẩm là người chưa đủ 18 tuổi, nên cần phải có người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và xét thấy anh H có việc làm, thu nhập ổn định hơn chị T; anh H có nhà ở và có sự giúp đỡ của bố mẹ đẻ trong việc chăm sóc con cái; hiện tại cháu Nhữ Bảo T đang học tập ổn định tại Trường tiểu học Phan Thiết, thành phố T; chị T có ít điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con cái hơn anh H. Do vậy, giao cháu T cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh H tự nguyện không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là có căn cứ theo Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình và phù hợp với thực tế.

[4] Về tài sản chung các bên đương sự đều xác định không có, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung các đương sự đều xác định không có, nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Anh H phải chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Toà án.

Chị T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 235; 266; 267; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Toà án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh NHỮ MINH H và chị NGUYỄN THỊ THU T.

2. *Về con chung*: Tuyên xử giao cháu Nhữ Bảo T, sinh ngày 09 tháng 7 năm 2015 cho anh NHỮ MINH H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị NGUYỄN THỊ THU T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh NHỮ MINH H và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: - Anh NHỮ MINH H phải chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000137 ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Anh H đã nộp đủ tiền án phí.

- Chị NGUYỄN THỊ THU T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo*: Anh NHỮ MINH H và chị NGUYỄN THỊ THU T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang;
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- UBND phường T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND TP. Tuyên Quang.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Anh Tuấn